

Số: **44/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 14 - 4 - 2021

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Xuân Đàm

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Cườm và ông Nguyễn Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Phương Loan, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2020 về việc “xin ly hôn và giao quyền trực tiếp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Trần Khánh L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, anh Hồ Văn H trình bày: Anh H và chị Trần Khánh L trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc ở tỉnh N, nơi anh H làm việc. Đến năm 2015 thì anh H đưa chị L về nhà của bố mẹ mình ở thôn G, xã Đ, huyện Phong Điền để sinh con. Sau khi sinh thì chị L ở lại sinh sống cùng gia đình bố mẹ chồng, còn anh H trở lại tỉnh N làm việc. Từ khi chị L về sống cùng gia đình bố mẹ chồng được khoảng 3 năm thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, nguyên nhân là do chị L không có việc làm ổn định nên kinh tế gặp khó khăn, anh H thì làm ăn xa nhà, một

năm chỉ về được vài ba lần nên không chia sẻ được nhiều cho vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng nhạt dần.

Đến tháng 3 năm 2020 thì chị L bỏ nhà ra đi và để lại con gái cho anh H và bà nội nuôi dưỡng, chị L cũng không cho ai biết lý do chị bỏ đi và đi đâu. Thỉnh thoảng chị L có về thăm con một chút rồi đi. Anh H đã cố liên lạc với chị L để biết lý do chị L bỏ đi và bàn chuyện sắp xếp cuộc sống gia đình nhưng chị L đã thay số điện thoại nên không liên lạc được. Sau thời gian chờ đợi mà không thấy chị L trở về, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con, anh H trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Hồ Ngọc B, sinh ngày 10/8/2015 hiện ở với bố và ông bà nội. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn - chị Trần Khánh L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú và nơi ở của bị đơn và được Công an xã Đ và mẹ của anh H cho biết: Chị Trần Khánh L cùng anh Hồ Văn H đã tách hộ, hiện tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã Đ bằng một sổ riêng nhưng vợ chồng vẫn sống chung cùng gia đình bố mẹ chồng. Hiện tại chị L không sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng chị L có về thăm con rồi đi, không rõ chị L làm gì ở đâu.

Do chị L bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không cho ai biết địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập chị L và thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L tại nơi ở, tại trụ sở UBND xã Đ và tại Trụ sở Tòa án hai lần, nhưng sau cả hai lần niêm yết thì chị L đều không có mặt tại trụ sở Tòa án để làm việc nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị L và yêu cầu được giao quyền trực tiếp nuôi con; Về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung, anh H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là được ly hôn và xin nhận quyền trực tiếp nuôi con là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các vấn đề khác không có yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Hồ Văn H và chị Trần Khánh L được UBND xã Đ, huyện Phong Điền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, anh H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, vợ chồng đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên việc Tòa án huyện Phong Điền thụ lý yêu cầu khởi kiện của anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị L là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp thì chị L đều vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị L quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng chị L vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho chị L quyết định hoãn phiên tòa có ấn định ngày khai mạc lại phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Anh H xin ly hôn vì chị L không có trách nhiệm đối với chồng con, đã bỏ nhà ra đi, để lại con gái cho bà nội nuôi mà không nói lý do cho anh H biết. Từ khi bỏ đi đến nay đã hơn một năm mà chị L cũng không liên lạc gì với anh H. Lý do xin ly hôn mà anh H trình bày phù hợp với kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình cung cấp.

Mặt khác, việc anh H xin ly hôn không bị chị L phản đối; Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tích cực khuyên can nhưng anh H vẫn cương quyết xin ly hôn. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Hồ Ngọc B, sinh ngày 10/8/2015 hiện đang ở với bố. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng; Hội đồng xét thấy:

Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, để giao con cho bên nào nuôi phải xem xét nhu cầu của con; Điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển toàn diện về mọi mặt, kể cả trước mắt và lâu dài hay không.

Xét thấy, chị L không có công việc ổn định, đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình mà không có yêu cầu gì. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh H là giao cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên hội đồng không xét. Về Tài sản chung, nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng không đề cập.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên Xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hồ Văn H với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn H được ly hôn với chị Trần Khánh L;
2. Về con chung: Giao cho anh Hồ Văn H quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hồ Ngọc B, sinh ngày 10/8/2015 (hiện đang ở với bố) kể từ ngày tuyên án đến khi cháu B đủ 18 tuổi;

Chị Trần Khánh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xét.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Anh Hồ Văn H phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 008598 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

***Hồ Xuân Đàm***